

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

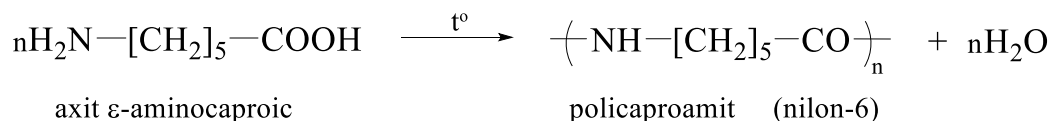
GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC – TUẦN 11
MÔN HÓA HỌC – KHỐI 12

NỘI DUNG	
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	TÍNH CHẤT, ỨNG DỤNG CỦA MỘT SỐ POLIME GIẢI ĐÁP MỘT SỐ BÀI TẬP
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<p>1. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sách giáo khoa Hóa học 12 (bản chuẩn) – Bài 13, 14 - Tóm tắt lí thuyết: Tính chất, ứng dụng của một số polime; giải đáp một số bài tập (Phụ lục 1 – đính kèm) <p>2. Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh ghi chép cẩn thận Phụ lục 1 vào vở, cần đánh dấu, tô màu các kiến thức học sinh thấy khó ghi nhớ. - Trong quá trình đọc và ghi chép, nếu thắc mắc học sinh điền vào Phiếu tổng hợp thắc mắc (Phụ lục 2 – đính kèm) và sớm liên hệ với giáo viên để được kịp thời giải đáp.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành Phiếu học tập (Phụ lục 3 – đính kèm): Dò đáp án; sửa các câu giải sai so với đáp án; chụp và nộp lại các theo yêu cầu của giáo viên.

PHỤ LỤC 1

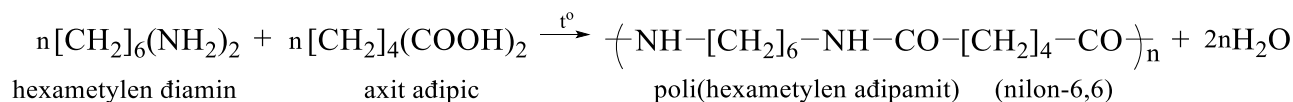
PHẦN 1: TÍNH CHẤT, ỨNG DỤNG CỦA MỘT SỐ POLIME

1. Nilon-6 hay policaproamit (cùng công thức capron)



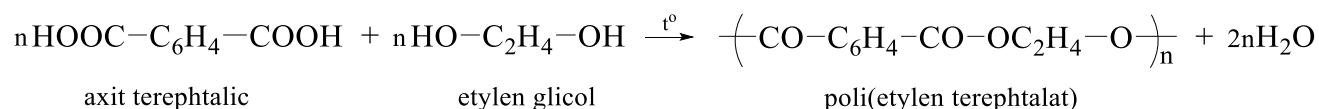
- Nilon-6 được điều chế từ axit ϵ -aminocaproic bằng phản ứng trùng ngưng.

2. Nilon-6,6 hay poli(hexametylen adipamit)



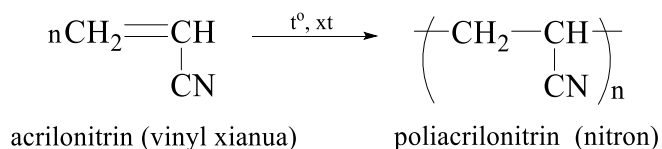
- Nilon-6,6 được điều chế từ axit adipic và hexametylenđiamin bằng phản ứng trùng ngưng.
- Tơ nilon-6,6 có tính dai, bền, mềm mại, óng mượt, ít thấm nước, giặt mau khô nhưng kém bền với nhiệt, với axit và kiềm.
- Tơ nilon-6,6 cũng như nhiều loại tơ poliamit khác được dùng để dệt vải may mặc, vải lót sảm lốp xe, bện làm dây cáp, dây dù, đan lưới, ...

3. Poli(etylen terephtalat) (hay lapsan)



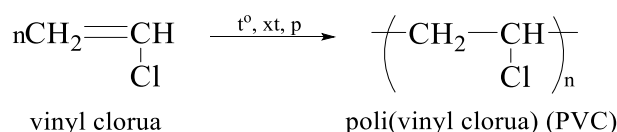
- Poli(etylen terephtalat) được điều chế từ axit terephtalic và etylen glicol bằng phản ứng trùng ngưng.
- Poli(etylen terephtalat) thuộc loại polieste (có nhiều nhóm este), thủy phân trong môi trường axit, bazơ.

4. Tơ nitron (hay olon hay poliacrilonitrin)



- Tơ nitron được điều chế từ acrilonitrin bằng phản ứng trùng hợp.
- Tơ nitron dai, bền với nhiệt và giữ nhiệt tốt, nên thường được dùng để dệt và may quần áo ấm hoặc bện thành sợi “len” đan áo rét.

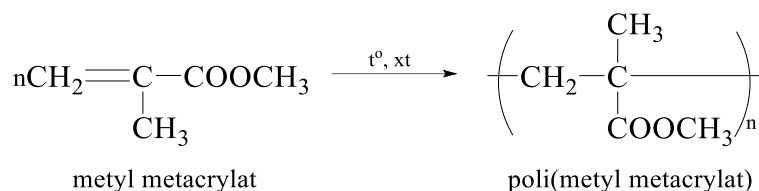
5. Poli(vinyl clorua) (PVC)



- PVC được điều chế từ vinyl clorua bằng phản ứng trùng hợp.
- PVC là chất rắn vô định hình, bền với axit, dùng làm vật liệu cách điện, ống dẫn nước, vải che mưa,

...

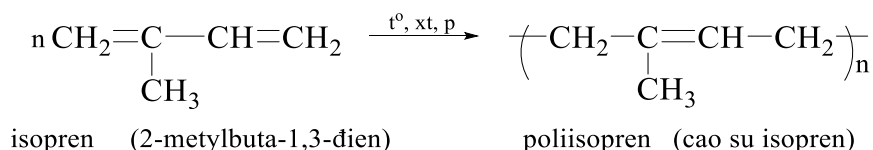
6. Thủy tinh hữu cơ (plexiglas)



- Poli(metyl metacrylat) được điều chế từ metyl metacrylat bằng phản ứng trùng hợp.
- Poli(metyl metacrylat) là chất rắn trong suốt, có khả năng cho ánh sáng truyền qua tốt nên được dùng chế tạo thủy tinh hữu cơ plexiglas. Plexiglas được dùng làm kính máy bay, ô tô, răng giả, kính bảo hiểm,

...

7. Cao su thiên nhiên



- Cao su thiên nhiên (lấy từ mủ cây cao su) là polime của isopren C_5H_8
- Cao su thiên nhiên có tính đàn hồi, không dẫn nhiệt và điện, không thấm khí và nước, không tan trong nước, etanol, axeton, ... nhưng tan trong xăng, benzen.
- Do có liên kết đôi trong phân tử, cao su thiên nhiên có thể tham gia các phản ứng cộng H_2 , HCl , Cl_2 , ... và đặc biệt khi tác dụng với lưu huỳnh cho *cao su lưu hóa* có tính đàn hồi, chịu nhiệt, lâu mòn, khó tan trong các dung môi hơn cao su thường. Cao su lưu hóa có cấu trúc mạng lưới không gian.

PHẦN 2: GIẢI ĐÁP MỘT SỐ BÀI TẬP

Câu 5: (TN21) Cho các phát biểu sau:

- (a) Vải lụa tơ tằm sẽ nhanh hỏng nếu ngâm, giặt trong xà phòng có tính kiềm.
- (b) Trùng ngưng axit ϵ -aminocaproic, thu được policaproamit.
- (c) Cao su lưu hóa có tính đàn hồi, lâu mòn và khó tan hơn cao su thiên nhiên.
- (d) Trong tơ tằm có các gốc α -amino axit.
- (e) Poli(metyl metacrylat) được dùng chế tạo thủy tinh hữu cơ.

Số phát biểu đúng là

A. 3.

B. 5.

C. 2.

D. 4.

Bài giải

Các phát biểu là: (a); (b); (c); (d); (e)

- (a) Vải lụa tơ tằm có chứa liên kết peptit nên kém bền (nhạy) trong các môi trường axit, bazơ, ...
- (b) Xem mục tơ nilon-6 bên trên
- (c) Xem mục cao su thiên nhiên bên trên
- (d) Tơ tằm là protein đơn giản nên chỉ tạo từ các gốc α -amino axit
- (e) Xem mục thủy tinh hữu cơ bên trên

Câu 22: (MH20) Cho các polime sau: poli(vinyl clorua), poli(metyl acrylat), poli(etylen terephtalat), nilon-6,6. Số polime được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng là

A. 2.

B. 1.

C. 4.

D. 3.

Bài giải

Các polime trùng hợp: poli(vinyl clorua), poli(metyl acrylat) do các monome có liên kết π kém bền. Xem các mục bên trên.

Các polime trùng ngưng: poli(etylen terephtalat), nilon-6,6 do các monome có các nhóm chức có thể tác dụng với nhau. Xem các mục bên trên.

PHỤ LỤC 2
PHIẾU TỔNG HỢP CÂU HỎI – THẮC MẮC
CỦA HỌC SINH TRONG QUÁ TRÌNH TỰ HỌC – TUẦN 11

Trường THPT Nguyễn Tất Thành

Lớp: 12A...

Họ tên học sinh:.....Stt:.....

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
HÓA HỌC

PHỤ LỤC 3
DÒ ĐÁP ÁN – SỬA BÀI THEO YÊU CẦU Ở TRÊN

1	C
2	D
3	B
4	C
5	B
6	B
7	B
8	D
9	B
10	A
11	D
12	C
13	A
14	A
15	C
16	D
17	D
18	C
19	B
20	D
21	D
22	A
23	D
24	A
25	A

Phần 1: Bài tập

Câu 1: (TN21) Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Sau khi lưu hóa, tính đàn hồi của cao su giảm đi.
- B. Tơ nitron được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.
- C. Polietilen là polime được dùng làm chất dẻo.
- D. Tơ nilon-6,6 thuộc loại tơ thiên nhiên.

Câu 2: (THPT16) PVC là chất rắn vô định hình, cách điện tốt, bền với axit, được dùng làm vật liệu cách điện, ống dẫn nước, vải che mưa, ... PVC được tổng hợp trực tiếp từ monome nào sau đây?

- A. Vinyl axetat.
- B. Acrilonitrin.
- C. Propilen.
- D. Vinyl clorua.

Câu 3: (THPT19) Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Poliacrilonitrin được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.
- B. Polibutađien được dùng để sản xuất cao su buna.
- C. Cao su sau khi được lưu hóa có tính đàn hồi và chịu nhiệt kém hơn cao su thường.
- D. Poli(vinyl clorua) được điều chế bằng phản ứng cộng HCl vào polietilen.

Câu 4: (THPT17) Tơ nào sau đây thuộc loại tơ thiên nhiên?

- A. Tơ nilon-6,6.
- B. Tơ nilon-6.
- C. Tơ tằm.
- D. Tơ nitron.

Câu 5: (TN21) Cho các phát biểu sau:

- (a) Vải lụa tơ tằm sẽ nhanh hỏng nếu ngâm, giặt trong xà phòng có tính kiềm.
- (b) Trùng ngưng axit ϵ -aminocaproic, thu được policaproamit.

(c) Cao su lưu hóa có tính đàn hồi, lâu mòn và khó tan hơn cao su thiên nhiên.

(d) Trong tơ tằm có các gốc α -amino axit.

(e) Poli(metyl metacrylat) được dùng chế tạo thủy tinh hữu cơ.

Số phát biểu đúng là

A. 3.

B. 5.

C. 2.

D. 4.

Câu 6: (TN20) Polime nào sau đây được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng?

A. Poli(vinyl clorua).

B. Poli(hexametylen adipamit).

C. Polietilen.

D. Polibutađien.

Câu 7: (TN21) Polime nào sau đây thuộc loại polime bán tổng hợp?

A. Poli(vinyl clorua).

B. Tơ visco.

C. Xenlulozơ.

D. Polietilen.

Câu 8: (TN20) Có bao nhiêu tơ tổng hợp trong các tơ: xenlulozơ axetat, visco, nitron, nilon-6,6?

A. 1.

B. 3.

C. 4.

D. 2.

Câu 9: (TN20) Polime nào sau đây được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng?

A. Polietilen.

B. Poli(etylen terephtalat).

C. Poli(metyl metacrylat).

D. Polibutađien.

Câu 10: (THPT19) Tơ nào sau đây thuộc loại tơ tổng hợp?

A. Tơ nilon-6,6.

B. Tơ visco.

C. Tơ xenlulozơ axetat.

D. Tơ tằm.

Câu 11: (THPT19) Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Amilozơ có cấu trúc mạch phân nhánh.

B. Tơ visco thuộc loại tơ tổng hợp.

C. Tơ tằm thuộc loại tơ nhân tạo.

D. PVC được điều chế bằng phản ứng trùng hợp.

Câu 12: (THPT17) Phân tử polime nào sau đây chỉ chứa hai nguyên tố là C và H?

A. Poliacrilonitrin.

B. Poli(vinyl axetat).

C. Polietilen.

D. Poli(vinyl clorua).

Câu 13: (THPT19) Tơ nào sau đây thuộc loại tơ nhân tạo?

A. Tơ visco.

B. Tơ tằm.

C. Tơ nilon-6.

D. Tơ nilon-6,6.

Câu 14: (THPT19) Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Poli(metyl metacrylat) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp.

B. Trùng hợp axit ϵ -aminocaproic thu được policaproamit.

C. Poli(etylen terephtalat) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp.

D. Polietilen được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.

Câu 15: (MH21) Cho các este sau: etyl axetat, propyl axetat, metyl propionat, metyl metacrylat. Có bao nhiêu este tham gia phản ứng trùng hợp tạo thành polime?

A. 3.

B. 2.

C. 1.

D. 4.

Câu 16: (MH20) Cho các tơ sau: visco, capron, xenlulozơ axetat, olon. Số tơ tổng hợp là

A. 1.

B. 3.

C. 4.

D. 2.

Câu 17: (TN20) Có bao nhiêu tơ tổng hợp trong các tơ: capron, visco, nitron, nilon-6,6?

A. 2.

B. 1.

C. 4.

D. 3.

Câu 18: (MH21) Phân tử polime nào sau đây có chứa nitơ?

- A. Poli(metyl metacrylat). B. Polietilen.
C. Poliacrilonitrin. D. Poli(vinyl clorua).

Câu 19: (THPT18) Trùng hợp vinyl clorua thu được polime có tên gọi là

- A. polipropilen. B. poli(vinyl clorua).
C. polietilen. D. polistiren.

Câu 20: (TN21) Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Tơ nylon-6,6 được điều chế bằng phản ứng trùng hợp.
B. Tơ xenlulozơ axetat thuộc loại tơ tổng hợp.
C. Cao su thiên nhiên có thành phần chính là polibutađien.
D. Tơ poliamic kém bền trong môi trường axit.

Câu 21: (MH19) Cho các polime: poli(vinyl clorua), xenlulozơ, policaproamit, polistiren, xenlulozơ triaxetat, nylon-6,6. Số polime tổng hợp là

- A. 2. B. 3. C. 5. D. 4.

Câu 22: (MH20) Cho các polime sau: poli(vinyl clorua), poli(metyl acrylat), poli(etylen terephthalat), nylon-6,6. Số polime được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng là

- A. 2. B. 1. C. 4. D. 3.

Câu 23: (MH21) Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Tơ nitron được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.
B. Cao su lưu hóa có cấu trúc mạch không phân nhánh.
C. Tơ nylon-6,6 được điều chế bằng phản ứng trùng hợp.
D. Sợi bông, tơ tằm đều thuộc loại tơ thiên nhiên.

Câu 24: (THPT19) Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Tơ nitron được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.
B. Tơ tằm thuộc loại tơ thiên nhiên.
C. Cao su lưu hóa có cấu trúc mạng lưới không gian.
D. Tơ nylon-6,6 được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.

Câu 25: (THPT17) Tơ nào sau đây được sản xuất từ xenlulozơ?

- A. Tơ visco. B. Tơ nitron.
C. Tơ capron. D. Tơ nylon-6,6.

Phần 2: Giải lại những câu sai đáp án

Câu	Lời giải (ngắn gọn – Ghi công thức mà học sinh đã sử dụng để giải)
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	

9	
10	
11	
12	
13	
14	
15	
16	
17	
18	
19	
20	
21	
22	
23	
24	
25	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC – TUẦN 11
MÔN HÓA HỌC – KHỐI 11

NỘI DUNG	
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	CACBON VÀ HỢP CHẤT CỦA CACBON
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<p>1. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sách giáo khoa Hóa học 11 (bản chuẩn) – Bài 15, 16. - Tóm tắt lý thuyết cacbon và hợp chất cacbon (Phụ lục 1 – Đính kèm). <p>2. Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh ghi chép cẩn thận Phụ lục 1 vào vở bài học, cần đánh dấu, tô màu các phương trình học sinh thấy khó ghi nhớ. - Trong quá trình đọc và ghi chép, nếu thắc mắc học sinh điền vào Phiếu tổng hợp thắc mắc (Phụ lục 2 – Đính kèm) và sớm liên hệ với giáo viên để được kịp thời giải đáp.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành Phiếu học tập (Phụ lục 3 – Đính kèm), chụp và nộp lại theo yêu cầu của giáo viên.

PHỤ LỤC 1*** Kiến thức trọng tâm****CACBON VÀ HỢP CHẤT CỦA CACBON****A. CACBON****I. Vị trí và cấu hình electron nguyên tử**

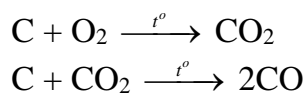
- C ở ô số 6, thuộc chu kỳ 2, nhóm IV_A của bảng tuần hoàn.
- Cấu hình e: $1s^2 2s^2 2p^2$
- Các số oxi hóa thường gặp là: -4; 0; +2; +4.

II. Tính chất vật lí

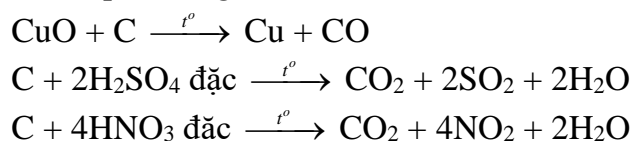
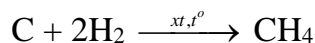
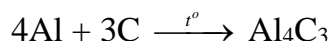
C có nhiều dạng thù hình: kim cương, than chì và C vô định hình, fuleren,... Chúng khác nhau về tính chất vật lí.

III. Tính chất hoá học

- C vừa có tính khử và vừa tính oxi hoá nhưng tính khử vẫn là chủ yếu.

1. Tính khử**a. Tác dụng với O₂****b. Tác dụng với hợp chất**

- Ở nhiệt độ cao, C khử được nhiều oxit của các kim loại đứng sau Al trong dãy hoạt động hóa học của kim loại, phản ứng với các chất oxi hóa mạnh như H₂SO₄ đặc, HNO₃, KClO₃, ...

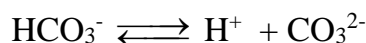
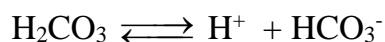
**2. Tính oxi hóa****a. Tác dụng với H₂****b. Tác dụng với kim loại → muối cacbua****IV. Ứng dụng: SGK****V. Trạng thái tự nhiên: SGK****B. HỢP CHẤT CỦA CACBON****I. Cacbon monooxit (CO) và cacbon đioxit (CO₂)**

	Cacbon monooxit (CO)	Cacbon đioxit (CO₂)
1. Tính chất vật lí	<ul style="list-style-type: none"> - CO là chất khí, không màu, không mùi, không vị, tan rất ít trong nước và rất bền với nhiệt. - CO là khí độc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Là khí không màu, vị hơi chua, tan ít trong nước. - CO₂ khi bị làm lạnh đột ngột là thành phần chính của “nước đá khô”. - CO₂ gây nên hiệu ứng nhà kính.

2. Tính chất hóa học	<p>a. CO là oxit trung tính → không tác dụng với nước, dung dịch bazơ và dung dịch axit ở nhiệt độ thường.</p> <p>b. CO là chất khử mạnh.</p> <p>- Tác dụng với oxi:</p> $2\text{CO} + \text{O}_2 \xrightarrow{t^0} 2\text{CO}_2$ <p>- Nhiệt độ cao, CO khử nhiều oxit kim loại:</p> $3\text{CO} + \text{Fe}_2\text{O}_3 \xrightarrow{t^0} 3\text{CO}_2 + 2\text{Fe}$	<p>a. CO₂ là oxit axit</p> <p>- Tác dụng với nước</p> $\text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightleftharpoons \text{H}_2\text{CO}_3 \text{ axit cacbonic}$ <p>- Tác dụng với oxit bazơ/bazơ</p> $\text{CaO} + \text{CO}_2 \longrightarrow \text{CaCO}_3$ $\text{NaOH} + \text{CO}_2 \longrightarrow \text{NaHCO}_3$ $2\text{NaOH} + \text{CO}_2 \longrightarrow \text{Na}_2\text{CO}_3 + \text{H}_2\text{O}$ <p>b. Tính oxi hóa</p> $\text{CO}_2 + 2\text{Mg} \xrightarrow{t^0} 2\text{MgO} + \text{C}$ $\text{CO}_2 + \text{C} \xrightarrow{t^0} 2\text{CO}$
3. Điều chế		
a. Trong phòng thí nghiệm	$\text{HCOOH} \xrightarrow{\text{H}_2\text{SO}_4 \text{ đ.}, t^0} \text{CO} + \text{H}_2\text{O}$	$\text{CaCO}_3 + 2\text{HCl} \longrightarrow \text{CaCl}_2 + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$
b. Trong công nghiệp	$\text{C} + \text{H}_2\text{O} \xrightleftharpoons{1050^0\text{C}} \text{CO} + \text{H}_2$ $\text{CO}_2 + \text{C} \xrightarrow{t^0} 2\text{CO}$	Thu hồi CO ₂ từ đốt than, khí thiên nhiên, lên men rượu,...

II. Axit cacbonic

- Là axit rất kém bền, chỉ tồn tại trong dung dịch, là axit 2 nấc:



III. Muối cacbonat

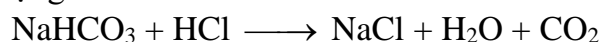
Là muối của axit cacbonic (gồm muối CO₃²⁻ và HCO₃⁻).

1. Tính tan

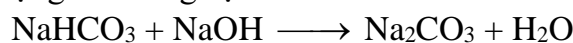
- Muối CO₃²⁻ của kim loại kiềm, amoni và muối HCO₃⁻: đều tan (trừ NaHCO₃ ít tan).

2. Tính chất hóa học

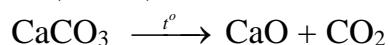
- Tác dụng với axit



- Tác dụng với dung dịch bazơ



- Phản ứng nhiệt phân (trừ muối cacbonat của kim loại kiềm)



PHỤ LỤC 2
PHIẾU TỔNG HỢP CÂU HỎI – THẮC MẮC
CỦA HỌC SINH TRONG QUÁ TRÌNH TỰ HỌC – TUẦN 11

Trường THPT Nguyễn Tất Thành

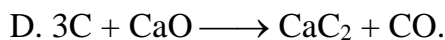
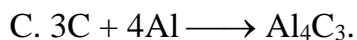
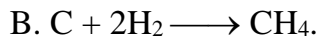
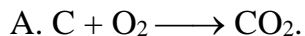
Lớp: 11A...

Họ tên học sinh:.....Stt:.....

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
HÓA HỌC

PHỤ LỤC 3
PHIẾU HỌC TẬP
BÀI TẬP

Câu 1. (MH18) Cacbon chỉ thể hiện tính khử trong phản ứng hóa học nào sau đây?



Câu 2.

a) (MH19) Chất bột X màu đen, có khả năng hấp phụ các khí độc nên được dùng trong nhiều loại mặt nạ phòng độc. Chất X là

A. đá vôi.

B. lưu huỳnh.

C. than hoạt tính.

D. thạch cao.

b) (MH15) Khi đốt cháy than đá, thu được hỗn hợp khí trong đó có khí X (không màu, không mùi, độc). Khí X là khí nào sau đây? Viết phương trình xảy ra.

A. CO_2 .

B. CO .

C. SO_2 .

D. NO_2 .

c) (THPT19) Chất khí X gây ra hiệu ứng nhà kính và tham gia vào quá trình quang hợp của cây xanh tạo tinh bột. Chất X là

A. CO_2 .

B. N_2 .

C. O_2 .

D. H_2 .

d) (THPT19) Ở trạng thái rắn, hợp chất X tạo thành một khối trắng gọi là “nước đá khô”. Nước đá khô không nóng chảy mà thăng hoa, được dùng để tạo môi trường lạnh không có hơi ẩm. Chất X là

A. H_2O .

B. O_2 .

C. N_2 .

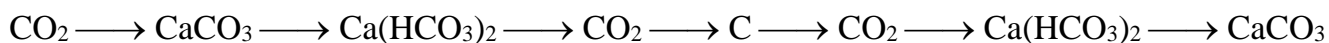
D. CO_2 .

Câu 3. (SGK75) Nêu hiện tượng, viết phương trình khi

a) Cho từ từ đến dư CO_2 vào dung dịch $Ca(OH)_2$.

b) Đun nóng dung dịch canxi hiđrocacbonat.

Câu 4. (SGK100) Viết các phương trình hóa học của phản ứng biểu diễn sơ đồ chuyển hóa sau:



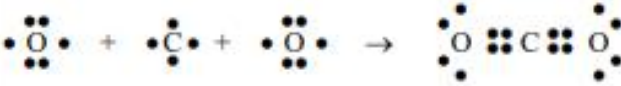
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC – TUẦN 10
MÔN HÓA HỌC – KHỐI 10

NỘI DUNG	
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	LIÊN KẾT CỘNG HÓA TRỊ VÀ LIÊN KẾT ION
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<p>1. Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sách giáo khoa Hóa học 10 (bản chuẩn) – Bài 12, 13 - Tóm tắt phương pháp, kỹ thuật giải các dạng bài tập (Phụ lục 1 – Đính kèm) <p>2. Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh ghi chép cẩn thận Phụ lục 1 vào vở bài tập, cần đánh dấu, tô màu các công thức học sinh thấy khó ghi nhớ. - Trong quá trình đọc và ghi chép, nếu thắc mắc học sinh điền vào Phiếu tổng hợp thắc mắc (Phụ lục 2 – Đính kèm) và sớm liên hệ với giáo viên để được kịp thời giải đáp.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành Phiếu học tập (Phụ lục 3 – Đính kèm), chụp và nộp lại theo yêu cầu của giáo viên.

PHỤ LỤC 1
LIÊN KẾT CỘNG HÓA TRỊ

LIÊN KẾT CỘNG HÓA TRỊ	
I) SỰ HÌNH THÀNH LIÊN KẾT CỘNG HÓA TRỊ	<p>1) Liên kết cộng hóa trị không phân cực phân cực</p> <p>a) Sự hình thành phân tử H₂ H (Z = 1): 1s¹ Hai nguyên tử H liên kết với nhau bằng cách mỗi nguyên tử H góp 1 electron tạo thành 1 cặp electron chung</p> $H^{\bullet} + \bullet H \rightarrow \left(\begin{array}{c} \bullet \\ \bullet \\ \bullet \\ \bullet \end{array} \right) \text{ hay } H\text{:}H$ <p>Công thức electron: H:H Công thức cấu tạo : H – H (liên kết đơn)</p> <p>b) Sự hình thành phân tử N₂ N (Z = 7): 1s² 2s² 2p³ có 5 e ngoài cùng Trong phân tử N₂, để đạt cấu hình electron của nguyên tử khí hiếm gần nhất (Ne) mỗi nguyên tử N góp chung 3 electron</p> $\text{:}\ddot{\text{N}}\text{:} + \text{:}\ddot{\text{N}}\text{:} \rightarrow \left(\begin{array}{c} \bullet \\ \bullet \\ \bullet \\ \bullet \\ \bullet \\ \bullet \end{array} \right) \text{ hay } \text{N}\text{:}\text{:}\text{N}$ <p>công thức electron: :N:::N: công thức cấu tạo : N = N (liên kết 3) Kết luận: Cặp electron dùng chung không bị lệch về phía nguyên tử nào => là liên kết cộng hóa trị không phân cực</p> <p>2) Liên kết cộng hóa trị phân cực:</p> <p>a) Sự hình thành trong phân tử hidro clorua (HCl) H (Z = 1): 1s¹ Cl (z = 17): 1s² 2s² 2p⁶ 3s² 3p⁵</p> $H^{\bullet} + \bullet \ddot{\text{Cl}}\text{:} \rightarrow \left(\begin{array}{c} \bullet \\ \bullet \\ \bullet \\ \bullet \\ \bullet \end{array} \right) \text{ hay } H\text{:}\ddot{\text{Cl}}\text{:}$ <p>công thức electron: H :Cl: công thức cấu tạo : H – Cl Kết luận: Cặp electron dùng chung bị lệch về phía 1 nguyên tử có độ âm điện lớn hơn => là liên kết cộng hóa trị phân cực</p> <p>b) Sự hình thành trong phân tử cacbon dioxit (CO₂) C (Z = 6): 1s² 2s² 2p² O (Z = 8): 1s² 2s² 2p⁴</p>

	<p style="text-align: center;">  </p> <p> công thức electron: $\text{:}\ddot{\text{O}}\text{:}\text{:}\ddot{\text{C}}\text{:}\text{:}\ddot{\text{O}}\text{:}$ công thức cấu tạo : $\text{O}=\text{C}=\text{O}$ (liên kết đôi) </p>								
<p>II) HIỆU ĐỘ ÂM ĐIỆN VÀ LIÊN KẾT HÓA HỌC.</p>	<p>Hiệu độ âm điện và liên kết hóa học:</p> <table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Hiệu số độ âm điện</td> <td style="width: 50%;">Loại liên kết</td> </tr> <tr> <td>từ 0,0 đến 0,4</td> <td>LKCHT không cực</td> </tr> <tr> <td>0,4 đến 1,7</td> <td>LKCHT có cực</td> </tr> <tr> <td>$\geq 1,7$</td> <td>LK ion</td> </tr> </table> <p> Ví dụ: NaCl có hiệu độ âm điện là $3,16 - 0,93 = 2,23 > 1,7 \Rightarrow$ liên kết ion HCl : có hiệu độ âm điện là $3,16 - 0,93 = 2,23 < 1,7 \Rightarrow$ LKCHT phân cực </p>	Hiệu số độ âm điện	Loại liên kết	từ 0,0 đến 0,4	LKCHT không cực	0,4 đến 1,7	LKCHT có cực	$\geq 1,7$	LK ion
Hiệu số độ âm điện	Loại liên kết								
từ 0,0 đến 0,4	LKCHT không cực								
0,4 đến 1,7	LKCHT có cực								
$\geq 1,7$	LK ion								

PHỤ LỤC 2
PHIẾU TỔNG HỢP CÂU HỎI – THẮC MẮC
CỦA HỌC SINH TRONG QUÁ TRÌNH TỰ HỌC – TUẦN 10

Trường THPT Nguyễn Tất Thành

Lớp: 10A...

Họ tên học sinh:.....St:.....

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
HÓA HỌC

PHỤ LỤC 3
PHIẾU HỌC TẬP
LIÊN KẾT CỘNG HÓA TRỊ

Phần 1: Bài tập**Câu 5. (SBT20)**

a) (SGK64) Viết công thức electron và công thức cấu tạo các phân tử sau:

(1) Cl_2 , O_2 , N_2 , H_2 ; (2) CH_4 , C_2H_4 , C_2H_2 ; (3) NH_3 , CO_2 , H_2O ; (4) HNO_3 , NaNO_3 .

b) (CD12) Cho dãy các chất: Cl_2 , N_2 , NH_3 , CO_2 , HCl , H_2CO_3 , C_2H_6 , C_2H_2 . Viết công thức cấu tạo và cho biết loại liên kết (liên kết cộng hoá trị có cực, liên kết cộng hoá trị không cực) trong mỗi chất.

Câu 6. (B13): Cho giá trị độ âm điện của các nguyên tố: F (3,98); O (3,44); C (2,55); H (2,20); Na (0,93). Trong các hợp chất sau: NaF , CH_4 , H_2O , Na_2O , hợp chất nào sau đây là hợp chất ion? Giải thích.

Phần 2: Hoàn thành các bài tập trên

.....

.....

.....

.....

.....